Ống nhựa **PUN-10X1,5-SW-300**

Số bộ phận: 553940

Bảng dữ liệu

Đặc tính	**Giá trị**
Ø ngoài	10 mm
bán kính uốn liên quan đến dòng chảy	54 mm
Ø trong	7 mm
Bán kính uốn tối thiểu	28 mm
Lưu ý áp dụng	TPE-U dựa trên este Ống nhựa chỉ có thể được đặt tiếp xúc với cáp nếu vỏ bọc của chúng không có este của axit photphoric. Nếu không ống nhựa có thể bị hỏng.
Đặc tính ống	thích hợp cho máng xích
Áp suất vận hành của khoảng nhiệt độ hoàn chỉnh	-0.095 MPa...0.7 MPa -0.95 bar...7 bar -13.775 psi...101.5 psi
Áp suất vận hành phụ thuộc vào nhiệt độ	-0.095 MPa...1 MPa -0.95 bar...10 bar -13.775 psi...145 psi
Giấy phép	TÜV
Cơ quan cấp chứng chỉ	B 013277 0506 00
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:-:-]
Kiểm tra độ cháy vật liệu	UL94 HB
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B2-L
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-35 °C...60 °C
Trọng lượng sản phẩm theo chiều dài	0.0489 kg/m
Cổng nối khí nén	cho cổng nối cắm bên ngoài Ø 10 mm
Màu sắc	màu đen
Độ cứng Shore	D 52 +/-3
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu ống	TPE-U(PU)